

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Đã được soát xét)**

Tháng 8 năm 2021

NỘI DUNG

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 – 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập và trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Hà Thị Hải Vân	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Lưu Thị Thu Thù	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Trần Duy Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Vũ Lan Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quyết Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/1/2021)
Ông Trần Duy Cường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/1/2021)
Ông Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Cao Thị Hải Yến	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 16/12/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Thu Hường	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Hà Thị An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Phan Thị Diệu Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động bán niên kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(Tiếp theo)

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Duy Cường
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Số: 20NV2/2021/ASCO/BCSX-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được lập ngày 10 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 1507.01.01/2020/BCTC-NVT2 ngày 29 tháng 03 năm 2021.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác theo báo cáo soát xét số 1507.01/2020/BCTC-NVT2 ngày 31 tháng 7 năm 2020.



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Ngọc Tuyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1629-2018-149-1

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ ASCO**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU SỐ B01a - DN

Mã số	TÀI SẢN	TM	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		511.111.439.917	373.451.473.595
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.653.483.106	2.413.161.764
111	1. Tiền		2.235.718.188	2.413.161.764
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.417.764.918	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		284.917.291.593	180.071.276.232
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	264.853.975.944	144.731.628.576
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	25.847.723.397	40.617.257.375
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	170.307.004	170.307.004
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(5.954.714.752)	(5.447.916.723)
140	IV. Hàng tồn kho	8	214.286.000.314	189.308.570.558
141	1. Hàng tồn kho		214.286.000.314	189.308.570.558
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.254.664.904	1.658.465.041
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	599.355.421	156.790.422
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	10	598.342.818	1.444.707.954
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	56.966.665	56.966.665
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.873.681.911	199.317.367.201
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.540.000.000	15.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	14.540.000.000	15.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		67.403.376.710	72.622.392.861
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	64.770.543.145	69.381.982.316
222	Nguyên giá		129.746.143.328	131.860.358.313
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(64.975.600.183)	(62.478.375.997)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	2.632.833.565	3.240.410.545
225	Nguyên giá		4.860.615.825	4.860.615.825
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.227.782.260)	(1.620.205.280)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	56.654.844.987	56.654.844.987
231	Nguyên giá		56.654.844.987	56.654.844.987
232	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.256.855.450	700.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.256.855.450	700.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	53.003.533.569	53.003.533.569
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		53.003.533.569	53.003.533.569
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.015.071.195	1.336.595.784
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.015.071.195	1.336.595.784
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		705.985.121.828	572.768.840.796

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		374.693.900.449	245.856.009.573
310	I. Nợ ngắn hạn		373.662.650.449	244.412.259.573
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	155.559.565.070	31.801.895.235
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.466.631.300	705.701.109
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	4.541.302.267	757.349.219
314	4. Phải trả người lao động		337.546.003	264.293.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		219.067.336	326.212.388
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		30.320.000	25.763.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	211.230.205.623	210.531.045.622
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		278.012.850	-
330	II. Nợ dài hạn		1.031.250.000	1.443.750.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	1.031.250.000	1.443.750.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		331.291.221.379	326.912.831.223
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	331.291.221.379	326.912.831.223
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		280.499.680.000	255.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.499.680.000	255.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		556.025.698	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.235.515.681	71.912.831.223
421a	- Lãi/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		37.514.116.175	66.352.574.239
421b	- Lãi kỳ này		12.721.399.506	5.560.256.984
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		705.985.121.828	572.768.840.796

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 8 năm 2021
 Tổng Giám đốc

Cao Thị Hải Yến



Trần Duy Cường

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 6 năm 2021

MẪU SỐ B02a - DN

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	590.116.300.657	451.202.505.152
02	2. Các khoản giảm trừ	21	187.866.480	196.628.874
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		589.928.434.177	451.005.876.278
11	4. Giá vốn hàng bán	22	559.671.486.697	436.348.441.585
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ		30.256.947.480	14.657.434.693
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	77.389.544	4.668.594.021
22	7. Chi phí tài chính	24	9.145.079.901	9.727.515.479
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.710.173.604	9.616.708.252
25	8. Chi phí bán hàng	25	893.985.189	1.380.395.309
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.757.880.931	2.757.245.238
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.537.391.003	5.460.872.688
31	11. Thu nhập khác		10.589.856	63.148.330
32	12. Chi phí khác		437.818.641	1.138.755.185
40	13. Lợi nhuận khác		(427.228.785)	(1.075.606.855)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.110.162.218	4.385.265.833
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.304.762.712	1.136.578.446
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.805.399.506	3.248.687.387
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	469	127
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18	231	127

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 8 năm 2021
Tổng Giám đốc

Cao Thị Hải Yến



Trần Duy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 6 năm 2021

MẪU SỐ B03a - DN

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/6/2021	đến 30/6/2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.110.162.218	4.385.265.833
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.942.458.396	5.656.445.996
03	- Các khoản dự phòng		506.798.029	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		434.906.297	(113.373.006)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		104.568.211	(4.521.921.015)
06	- Chi phí lãi vay		8.710.173.604	9.616.708.252
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		30.809.066.755	15.023.126.060
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(104.565.354.551)	102.360.535.699
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(24.977.429.756)	18.062.530.193
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		125.960.325.022	(14.572.029.660)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(121.040.410)	778.401.899
14	- Lãi tiền vay đã trả		(8.817.318.656)	(8.200.563.153)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(884.724.657)	(192.000.000)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(168.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.235.523.747	113.260.001.038
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(1.556.855.450)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác		94.600.000	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(100.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.999.340.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		77.389.544	47.387.446
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.384.865.906)	(97.953.272.554)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 6 năm 2021

MẪU SỐ B03a - DN

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17	258.777.574.607	167.432.747.256
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(258.078.414.606)	(167.444.504.374)
35	3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(412.500.000)	(412.500.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.896.996.500)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.610.336.499)	(424.257.118)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		8.240.321.342	14.882.471.366
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	2.413.161.764	1.221.168.629
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	10.653.483.106	16.103.639.995

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 8 năm 2021
Tổng Giám đốc

Cao Thị Hải Yến



Trần Duy Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU SỐ B09a – DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Ngày 13/11/2018, ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 7595/UBCK-GSDC chấp thuận Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/11/2018, Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 105/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là PAS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam..

Vốn điều lệ của Công ty là 280.499.680.000 đồng, tương đương 28.049.968 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 51 người (tại ngày 31/12/2020 là 56 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Buôn bán kim loại và quặng kim loại, các loại sắt thép. Gia công cơ khí và tráng phủ kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10

2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên: Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận ghi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	352.840.700	325.411.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.882.877.488	2.087.750.073
Các khoản tương đương tiền	8.417.764.918	-
Cộng	10.653.483.106	2.413.161.764

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 8.417.764.918 VND được gửi tại các ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc với lãi suất từ 3,35 %/năm đến 3,5 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,
 tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
 Đến ngày 30/6/2021

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thép Miền Nam	69.378.483.865	-	19.631.240.128	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	60.497.109.684	-	55.439.233.157	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Xuất nhập khẩu Vạn Xuân	45.637.242.179	-	-	-
Asian Impex Ltd	25.960.879.791	-	26.569.250.092	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại tổng hợp Mai Vàng	24.218.952.443	-	-	-
Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Lam Sơn	15.664.576.400	-	-	-
Các khách hàng khác	23.496.731.582	4.103.686.674	43.091.905.199	4.095.038.645
Cộng	264.853.975.944	4.103.686.674	144.731.628.576	4.095.038.645

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Global Posco Co.,Ltd	23.782.154.088	-	23.608.690.084	-
Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	1.660.500.000	1.660.500.000	1.162.350.000
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	-	-	11.865.066.150	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	-	-	3.076.215.690	-
Các đối tượng khác	405.069.309	190.528.078	406.785.451	190.528.078
Cộng	25.847.723.397	1.851.028.078	40.617.257.375	1.352.878.078

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a, Phải thu khác ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	170.307.004	-	170.307.004	-
	170.307.004	-	170.307.004	-
Cộng	170.307.004	-	170.307.004	-
b, Phải thu khác dài hạn				
Bà Nguyễn Thị Hương (1)	14.540.000.000	-	15.000.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thu (2)	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
	1.040.000.000	-	1.500.000.000	-
Cộng	14.540.000.000	-	15.000.000.000	-

(1) Hợp đồng ký cược số 100720 ký giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh và bà Nguyễn Thị Hương ngày 10/07/2020.

+ Mục đích: Mượn tài sản để đảm bảo khoản vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc;

+ Số tiền ký cược: 13.500.000.000 VND;

+ Số tiền ký cược tại thời điểm cuối kỳ: 13.500.000.000 VND;

+ Tài sản mượn bao gồm:

- Bất động sản tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác ở gắn liền với đất số BN 940241 số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 04/11/2013 cho ông Vũ Trọng Trương; đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thu và bà Nguyễn Thị Hương ngày 24/11/2015.

- Bất động sản tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 757, lô A16, khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn - Trà Điện Ngọc, phường Thọ Quang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số BA 645827 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010 cho Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Trang; đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thu và bà Nguyễn Thị Hương ngày 07/01/2019

(2) Hợp đồng ký cược số 100720-2 ký giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh và ông Nguyễn Xuân Thu ngày 10/07/2020.

+ Mục đích: Mượn tài sản để đảm bảo khoản vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc

+ Số tiền ký cược: 1.500.000.000 VND;

+ Số tiền ký cược tại thời điểm cuối kỳ: 1.040.000.000 VND;

+ Tài sản mượn:

- Căn hộ 1402A chung cư cao cấp 30 tầng FLC Lanmark Tower, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số vào sổ cấp GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2014 cho ông Nguyễn Xuân Thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

7. NỢ XẤU

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
Phải thu khách hàng				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.				
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thép Đại Thành Phát	2.260.582.089	-	2.260.582.089	-
- Công ty Cổ phần TSC Hà Nội	519.868.800	-	519.868.800	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kim khí Minh Hiếu	460.224.740	-	460.224.740	-
- Công ty TNHH Sản xuất thương mại Lâm Quan Thanh	421.548.384	-	421.548.384	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427	-	189.262.427	-
Công nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm.				
- Công ty TNHH Cơ Khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	12.972.041	43.240.144	21.620.072
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.				
- Công ty Cổ phần Đức Dương Việt Nam	443.864.265	221.932.133	443.864.265	221.932.131
Trả trước cho người bán				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.				
- Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	-	1.660.500.000	498.150.000
- Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	33.000.000	-	33.000.000	-
- Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	22.000.000	-	22.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn quản lý và Phát triển doanh nghiệp	20.400.000	-	20.400.000	-
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.				
- Công Ty Cổ Phần Cơ Điện và PCCC Thái Dương	230.256.155	115.128.078	230.256.155	115.128.078
Cộng	6.304.747.004	350.032.252	6.304.747.004	856.830.281

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng đi trên đường	3.714.779.510	-	5.231.249.197	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.070.220.933	-	1.097.465.711	-
Công cụ, dụng cụ	57.728.227	-	398.473.067	-
Thành phẩm	5.476.182.904	-	10.332.375.079	-
Hàng hóa	203.967.088.740	-	172.249.007.504	-
Cộng	214.286.000.314	-	189.308.570.558	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Tiền thuê đất năm 2021	287.128.800	-	287.128.800	-
Công cụ, dụng cụ	239.413.991	-	239.413.991	83.752.428
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	72.812.630	-	72.812.630	73.037.994
Cộng	599.355.421	-	599.355.421	156.790.422
Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ	503.312.805	-	503.312.805	1.125.764.642
Chi phí trả trước dài hạn khác	511.758.390	-	511.758.390	210.831.142
Cộng	1.015.071.195	-	1.015.071.195	1.336.595.784

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**01/01/2021**

	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.444.707.954	-
Thuế và các khoản phải thu phải nộp nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	23.829.364	-
Thuế xuất, nhập khẩu	33.137.301	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	631.968.462
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.800.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
Lệ phí môn bài	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105.580.757

Cộng**1.501.674.619****757.349.219****30/6/2021**

	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
	58.118.931.594	58.965.296.730	598.342.818	-
	19.564.490	19.564.490	23.829.364	-
	3.304.762.712	884.724.657	33.137.301	-
	387.974.825	-	-	407.774.825
	1.159.916.392	298.529.992	-	861.386.400
	4.000.000	4.000.000	-	-
	114.553.768	-	-	220.134.525

63.109.703.781**60.172.115.869****655.309.483****4.541.302.267**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/6/2021

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Công VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
01/01/2021	67.591.873.854	55.971.585.479	7.441.862.727	293.308.980	561.727.273	131.860.358.313	(57.417.273)	(2.114.214.985)			
Thanh lý, nhượng bán	(55.170.000)	(1.505.127.712)	(496.500.000)	-	-						
30/6/2021	67.536.703.854	54.466.457.767	6.945.362.727	293.308.980	504.310.000	129.746.143.328					
HAO MÒN LŨY KẾ											
01/01/2021	16.901.801.280	39.409.096.606	5.396.493.524	293.308.980	477.675.607	62.478.375.997	-	4.334.881.416			
Khấu hao	1.460.651.940	2.347.003.794	527.225.682	-	-						
Thanh lý, nhượng bán	(55.170.000)	(1.228.569.957)	(496.500.000)	-	(57.417.273)	(1.837.657.230)					
30/6/2021	18.307.283.220	40.527.530.443	5.427.219.206	293.308.980	420.258.334	64.975.600.183					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
01/01/2021	50.690.072.574	16.562.488.873	2.045.369.203	-	84.051.666	69.381.982.316					
30/6/2021	49.229.420.634	13.938.927.324	1.518.143.521	-	84.051.666	64.770.543.145					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 53.390.249.251 đồng (Giá trị đầu kỳ là 56.410.082.951 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.030.248.860 đồng (Giá trị đầu kỳ là 8.554.079.860 đồng).



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Cộng VND
	VND	
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	4.860.615.825	4.860.615.825
30/6/2021	4.860.615.825	4.860.615.825
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2021	1.620.205.280	1.620.205.280
Khấu hao	607.576.980	607.576.980
30/6/2021	2.227.782.260	2.227.782.260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	3.240.410.545	3.240.410.545
30/6/2021	2.632.833.565	2.632.833.565

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng, diện tích 1052,2 m ² (1)	25.073.061.987	-	25.073.061.987
Quyền sử dụng đất thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng, diện tích 2002,9 m ² (2)	31.581.783.000	-	31.581.783.000
Cộng	56.654.844.987	-	56.654.844.987

(1) Là quyền sử dụng Thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (Nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/11/2010; đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số 476/2017 tại Văn phòng công chứng Sông Hà thành phố Đà Nẵng.

(2) Là quyền sử dụng Thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (Nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Ngọc Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011; đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số 6282/2016 tại Văn phòng công chứng Sông Hà thành phố Đà Nẵng. Bất động sản này đang được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1749 quyền số: T TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/08/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2291 quyền số 01T,TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/07/2019.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2020		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	53.003.533.569	-	53.003.533.569	-
Cộng	53.003.533.569	-	53.003.533.569	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	Đường Hạ Long - Khu 4, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	45,00%	45,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản dở dang	VND	VND
Công trình dự án Nhà hàng - Khách sạn (*)	2.047.843.802	700.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.047.843.802	700.000.000
Máy cắt tấm	209.011.648	-
	209.011.648	-
Cộng	2.256.855.450	700.000.000

(*) Thông tin chi tiết công trình xây dựng:

- Mục đích xây dựng: Xây nhà hàng - Khách sạn
- Địa điểm xây dựng: Thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (Nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61), Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011 và Hồ sơ chuyển nhượng số 009442.CN.509 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Thăng Long, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/7/2016 tại Văn phòng đất đai thành phố Đà Nẵng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Tavina	30.133.245.974	30.133.245.974	-	-
Công ty TNHH Marubeni Itochu Steel Việt Nam	26.618.679.434	26.618.679.434	29.687.074.298	29.687.074.298
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Everland	24.348.934.795	24.348.934.795	-	-
Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	21.877.804.348	21.877.804.348	-	-
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	18.789.457.590	18.789.457.590	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TAVINA	14.080.549.769	14.080.549.769	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Đài Bay	6.606.668.023	6.606.668.023	-	-
Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	5.471.776.872	5.471.776.872	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Nam Hà Nội	5.458.110.400	5.458.110.400	-	-
Phải trả người bán khác	2.174.337.865	2.174.337.865	2.114.820.937	2.114.820.937
Cộng	155.559.565.070	155.559.565.070	31.801.895.235	31.801.895.235

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Biến động trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	210.531.045.622	210.531.045.622	258.777.574.607	258.078.414.606	211.230.205.623	211.230.205.623
Vay ngắn hạn	209.706.045.622	209.706.045.622	258.365.074.607	257.665.914.606	210.405.205.623	210.405.205.623
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	118.572.444.078	118.572.444.078	138.254.804.697	136.907.313.062	119.919.935.713	119.919.935.713
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	91.133.601.544	91.133.601.544	120.110.269.910	120.758.601.544	90.485.269.910	90.485.269.910
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	825.000.000	825.000.000	412.500.000	412.500.000	825.000.000	825.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	825.000.000	825.000.000	412.500.000	412.500.000	825.000.000	825.000.000
Dài hạn	1.443.750.000	1.443.750.000	-	412.500.000	1.031.250.000	1.031.250.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.443.750.000	1.443.750.000	-	412.500.000	1.031.250.000	1.031.250.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	1.443.750.000	1.443.750.000	-	412.500.000	1.031.250.000	1.031.250.000
Cộng	212.799.795.622	212.799.795.622	259.190.074.607	258.903.414.606	213.086.455.623	213.086.455.623

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

- (1) Hợp đồng tín dụng số HDTD1002020198 ngày 06/11/2020 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VNĐ;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày 06/11/2020 đến 05/11/2021;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 119.919.935.713 VNĐ
 - + Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:
 - Bất động sản thừa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tại Tổ hợp Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, Nhà ở cao tầng và Biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 992090; số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011.
 - Các hạng mục công trình thuộc nhà máy gia công Inox Thành Nam tại thừa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ xã Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561470; số vào sổ cấp GCN: CT 00471 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.
 - Các khoản thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất tại thừa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
 - Xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 89C-079.56 mang tên Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng thế chấp số 237/2017/HĐTC/CNHanoi ngày 13/10/2017
 - Sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 33/2021/HĐHM-PN/SHB.112500 ngày 26/2/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép các loại;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 90.485.269.910 VNĐ;
 - + Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:
 - Quyền sử dụng đất tại Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (Nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 314551, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 01051 QSDĐ/753/QĐ-UBND do UBND huyện Từ Liêm, TP Hà Nội cấp ngày 23/04/2004. Đã dính chính địa chỉ thừa đất ngày 13/08/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Nam Từ Liêm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

- Quyền sử dụng đất tại lô A15 đường Vũ Ngọc Nha, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thửa đất số 154 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CE 722381, số vào sổ cấp GCN: CTs 113946 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
- Quyền sử dụng đất tại lô A18 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, thửa đất số:6 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645829 số vào sổ GCN: CT1732 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô A17 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thửa đất số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, số vào sổ cấp GCN: CT01731 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2020.
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JTSL, màu sơn: trắng, số khung: 8JTSFXX17213, số máy: J08EUF17309, số chỗ ngồi: 03, Biển số đăng ký: 29C-813.14 theo đăng ký xe ô tô số 277194 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 09/08/2016, đăng ký lần đầu ngày 09/08/2016.
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: FTYPER, màu sơn: Đỏ, số khung: 67E8GMK24286, số máy:2321394508PS, số chỗ ngồi 02, Biển số đăng ký: 51F-736.41 theo đăng ký xe ô tô số 187740 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2016.
- Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), TP Hà Nội cấp ngày 04/11/2013.
- Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m2 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ:1874/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm TP Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
- Quyền sử dụng đất tại lô A16 khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827 số vào sổ GCN: CT01729 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô B4.1-5 Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN CT01829 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô B4.3-18 Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 645933, số vào sổ cấp GCN CT01787 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

- Căn hộ chung cư số 2505, tại Tòa chung cư NO10, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, diện tích: 123,6 m² theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 166809, số vào sổ cấp GCN:CS 36629 do Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 02/12/2016.
 - Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con Pickup, nhãn hiệu: PORD, số loại RAPTOR, màu sơn: Xanh, số máy: YN2QX203953, số khung: FE60KX203953 số chỗ ngồi:05 biển số đăng ký: 30F-642.50, nước sản xuất: Thái Lan, năm sản xuất: 2018 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 582749 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/03/2019, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2019.
- (3) Hợp đồng thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 8 năm 2019 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
 - + Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 3.300.000.000 VNĐ;
 - + Thời hạn thuê: 48 tháng;
 - + Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
 - + Số dư nợ gốc còn phải trả: 1.856.250.000 VNĐ;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2020	255.000.000.000	-	-	-	66.352.574.239	321.352.574.239	321.352.574.239
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.560.256.984	5.560.256.984	5.560.256.984
Tại ngày 31/12/2020	255.000.000.000	-	-	-	71.912.831.223	326.912.831.223	326.912.831.223
Tại ngày 01/01/2021	255.000.000.000	-	-	-	71.912.831.223	326.912.831.223	326.912.831.223
Góp vốn	25.499.680.000	-	-	-	-	25.499.680.000	25.499.680.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	12.805.399.506	12.805.399.506	12.805.399.506
Chia các quỹ	-	-	556.025.698	-	-	556.025.698	556.025.698
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(34.482.715.048)	(34.482.715.048)	(34.482.715.048)
Tại ngày 30/06/2021	280.499.680.000	-	-	-	50.235.515.681	331.291.221.379	331.291.221.379

(*) Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2021, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT-PAS ngày 05/01/2021 và Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 04/BC-PAS ngày 02/03/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức như sau:

Nội dung	Số tiền
Trích Quỹ đầu tư phát triển	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	556.025.698
Chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020	278.012.850
Trích trước thù lao HĐQT và BKS năm 2021	168.000.000
Chi trả cổ tức	84.000.000
Bổ sung nguồn vốn kinh doanh năm 2021	7.896.996.500
Cộng	25.499.680.000
	34.482.715.048

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/06/2021

Chi tiết vốn của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp	
	VND	%	30/06/2021	01/01/2021
Ông Trần Hữu Chung	19.800.000.000	7,06%	19.800.000.000	18.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	15.950.000.000	5,69%	15.950.000.000	14.500.000.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	2.130.000.000	0,76%	2.130.000.000	13.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	242.619.680.000	86,50%	242.619.680.000	209.000.000.000
Cộng	280.499.680.000	100,00%	280.499.680.000	255.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - *Vốn góp tại 01/01/2021*
 - *Vốn góp tăng trong kỳ*
 - *Vốn góp giảm trong kỳ*
 - *Vốn góp tại 30/06/2021*
 Cổ tức lợi nhuận đã chia

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
	280.499.680.000	255.000.000.000
	255.000.000.000	255.000.000.000
	25.499.680.000	-
	-	-
	280.499.680.000	255.000.000.000
	7.896.996.500	-



Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.049.968	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	25.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	25.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.805.399.506	3.248.687.387
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	27.284.978	25.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	469	127

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.805.399.506	3.248.687.387
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	27.284.978	25.500.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân dự kiến phát hành thêm	28.049.968	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	231	127

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29/06/2021 đã thông qua tờ trình số 19/2021/TT-ĐHĐCĐ-PAS ngày 20/06/2021, Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh dự kiến sẽ phát hành thêm 28.049.968 cổ phiếu trong Quý III hoặc Quý IV năm 2021 và Quý I năm 2022.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.438,02	1.444,62
Cộng	<u>1.438,02</u>	<u>1.444,62</u>

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	586.284.863.149	447.556.331.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.559.528.416	2.395.536.683
Doanh thu khác	271.909.092	1.250.637.104
Cộng	<u>590.116.300.657</u>	<u>451.202.505.152</u>

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	169.612.720	196.628.874
Giảm giá hàng bán	18.253.760	-
Cộng	<u>187.866.480</u>	<u>196.628.874</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán hàng hóa và thành phẩm	555.828.984.103	433.334.361.236
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.842.502.594	3.014.080.349
Cộng	<u>559.671.486.697</u>	<u>436.348.441.585</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.389.544	47.387.446
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.474.533.569
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	33.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	113.373.006
Cộng	77.389.544	4.668.594.021

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.710.173.604	9.616.708.252
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		110.807.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	434.906.297	-
Cộng	9.145.079.901	9.727.515.479

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	90.205.997	-
Chi phí công cụ dụng cụ	160.612.631	116.141.666
Chi phí nhân công	355.294.000	668755000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.021.134	235021134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.851.427	349302509
Chi phí khác bằng tiền	-	11175000
Cộng	893.985.189	1.380.395.309

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.977.636	292.882.615
Chi phí công cụ dụng cụ	482.038.275	-
Chi phí nhân công	629.838.000	876.501.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.276.600	649.634.172
Thuế, phí, lệ phí	761.861.634	20.951.192
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	506.798.029	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	807.004.757	888.990.895
Chi phí khác bằng tiền	5.086.000	28.284.841
Cộng	3.757.880.931	2.757.245.238

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.110.162.218	4.385.265.833
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	413.651.340	1.297.626.397
Chi phí khấu hao	157.790.454	284.948.711
Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ	255.860.886	-
Phạt thuế, phí và lệ phí	-	837.816.715
Chi phí không hợp lệ khác	-	174.860.971
Lợi nhuận sau điều chỉnh	16.523.813.558	5.682.892.230
Thu nhập tính thuế	16.523.813.558	5.682.892.230
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.304.762.712	1.136.578.446

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	61.074.951.502	61.000.541.597
Chi phí nguyên vật liệu	2.019.320.000	2.451.919.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.942.458.396	5.656.445.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.248.545	1.238.293.404
Dự phòng phải thu khó đòi	506.798.029	-
Chi phí khác bằng tiền	766.947.634	1.559.422.073
Cộng	70.433.724.106	71.906.622.593

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban kiểm soát
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long (Công ty liên doanh, liên kết)

Thu nhập của thành viên Ban Lãnh đạo:

	Chức vụ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Hội đồng Quản trị		350.354.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Chủ tịch HĐQT	84.387.000	-
Ông Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	71.565.000	-
Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	32.434.000	-
Bà Vũ Lan Phương	Thành viên HĐQT	77.347.000	-
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên HĐQT	84.621.000	-
Ban kiểm soát		140.024.000	-
Bà Đào Thị Thu Hường	Trưởng ban	54.387.000	-
Bà Hà Thị An	Thành viên	43.064.000	-
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên	42.573.000	-
Ban Tổng Giám đốc		-	93.449.776
Ông Trần Trung Dũng	Tổng Giám đốc	-	93.449.776
		490.378.000	93.449.776

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tú Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021
Đến ngày 30/6/2021

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là các hoạt động liên quan đến bán buôn sập, thép; gia cơ khí, xử lý và trang phủ kim loại phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Đồng thời, tổng doanh thu bộ phận của hoạt động kinh doanh khác nhỏ hơn (<) 10% tổng doanh thu của tất cả các bộ phận nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Kế toán trưởng



Cao Thị Hải Yến

Ngày *10* tháng *8* năm 2021
Tổng Giám đốc

